TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1994; cư trú tại: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H bắt đầu sống chung với nhau năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó bất đồng quan điểm sống, cãi vã nhau thường xuyên, 02 vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Lê Thanh Hồng P, sinh ngày 22/10/2017. Nay ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 27/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về việc quá trình kết hôn, sống chung với nhau. Anh và chị N không có đăng ký kết hôn. Do cả 02 anh chị đều không còn phù hợp với nhau về tính cách, tình cảm hiện giờ cũng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thanh Hồng P, sinh ngày 22/10/2017. Nay ly hôn anh đồng ý giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Hồng P, sinh ngày 22/10/2017 cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định của pháp luật nên việc chung sống giữa chị N, anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mặt khác quá trình chung sống từ năm 2020 đến nay, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Lê Thanh Hồng P, sinh ngày 22/10/2017. Quá trình giải quyết vụ án anh H đồng ý giao cháu Lê Thanh Hồng P cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Hồng P, sinh ngày 22/10/2017 cho chị Phạm Thị Thanh N nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004384 ngày

19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT ;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (N^3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cao Hùng